TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 552/2025/HNGĐ-ST
Ngày 25-12-2025
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đắc Cường

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Bích Vân

Bà Tạ Thị Kim Tuyến

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hà Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 305/2025/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2025 về việc *"Tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 7140/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1983; CCCD số: 079183000910 cấp ngày 04/4/2023; nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; địa chỉ: số B, ấp T, xã T, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên hệ: số A đường T, khu phố M, thị trấn C, huyện C (nay là xã C), Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Chu V, sinh năm 1979; Hộ chiếu số: 588397857; nơi cấp: Hoa Kỳ; địa chỉ: 3941 ¼ G, CA 91770-1723 - Hoa Kỳ (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người đại diện nhận văn bản tố tụng theo ủy quyền của ông Chu V: Bà Phạm Thị Yến N, sinh năm 1998; địa chỉ: số E, đường N, khu phố B, phường T, tỉnh Đồng Nai (theo văn bản ủy quyền ngày 30/7/2025).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 03/6/2025, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh H (gọi tắt là bà H) trình bày:

Bà H với ông Chu V là vợ chồng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 01 ngày 09/02/2018 do Ủy ban nhân dân huyện C (nay là Ủy ban nhân dân xã C), Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Trong thời gian chung sống đến nay, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung,

không thể hàn gắn được. Giữa bà H với ông Chu V đã nhiều lần cố gắng trao đổi, sửa chữa những khuyết điểm để dung hòa cuộc sống, nhưng mâu thuẫn càng tăng thêm, tình cảm vợ chồng phai nhạt, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà H khởi kiện tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu được ly hôn với ông Chu V. Giữa bà H với ông Chu V không có con chung, không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành ủy thác tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án số 594/UTTPDS-TA30 ngày 02/7/2025; thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo mở phiên tòa xét xử vụ án dân sự sơ thẩm cho ông Chu V biết để thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

Ngày 15/9/2025, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhận được văn bản trình bày ý kiến của ông Chu V, đơn xin xét xử vắng mặt, passport và Giấy ủy quyền nhận văn bản tố tụng của ông Chu V do bà Phạm Thị Yến N (tất cả các văn bản đã được hợp thức hóa lãnh sự) nộp tại Tòa án. Tại Văn bản trình bày ý kiến đề ngày 30/7/2025, bị đơn ông Chu V trình bày: Ông Chu V thống nhất với trình bày của bà Nguyễn Thị Thanh H về thời điểm kết hôn, nơi đăng ký kết hôn, hôn nhân của ông Chu V với bà H là hợp pháp. Tuy nhiên, trong thời gian chung sống, vợ chồng ông Chu V, bà H không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vả, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông Chu V đồng ý với yêu cầu ly hôn của bà H. Về con chung và tài sản chung: giữa ông Chu V với bà Nguyễn Thị Thanh H không có con chung, không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm: về thủ tục, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do bà Nguyễn Thị Thanh H và ông Chu V có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ là đúng quy định. Về nội dung, bà H với ông Chu V kết hôn với nhau vào năm 2018, nhưng vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay bà H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông V, ông Chu V cũng đồng ý ly hôn với bà H nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Về con chung và tài sản chung: bà H với ông Chu V xác định không có con chung, không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: đây là vụ án hôn nhân và gia đình về vệc *"Tranh chấp ly hôn"*, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục, do nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh H và bị đơn ông Chu V có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà H, nhận thấy: bà H với ông Chu V là vợ chồng hợp pháp theo Giấy chứng nhận kết hôn số 01 ngày 09/02/2018 do Ủy ban nhân dân huyện C (nay là Ủy ban nhân dân xã C), Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Quá trình chung sống từ năm 2018 đến nay, theo lời trình bày của nguyên đơn bà H và bị đơn ông Chu V thì vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, không thể hàn gắn được nên ông Chu V quay trở về Hoa Kỳ sinh sống và không còn liên lạc với nhau. Ngoài ra, do cách biệt về địa lý, khác biệt về thời gian sinh hoạt, nên hai bên không còn quan tâm, chia sẻ, chăm sóc lẫn nhau, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Chu V. Tại Văn bản trình bày ý kiến đề ngày 30/7/2025, ông Chu V đồng ý ly hôn với bà H nên theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây được xem là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Xét tình trạng hôn nhân giữa bà H với ông Chu V là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã không còn chung sống với nhau từ lâu. Nay bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Chu V là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: bà H với ông Chu V không có con chung, không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về chi phí tố tụng: chi phí dịch thuật, tống đạt văn bản tố tụng ra nước ngoài, nguyên đơn tự nguyện chịu và đã thực hiện xong.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thanh H phải chịu theo quy định của pháp luật.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về hướng giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 92, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 153, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, các Điều 235, 264, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh H đối với bị đơn ông Chu V về việc *"Tranh chấp ly hôn"*.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị Thanh H được ly hôn với ông Chu V. Giấy chứng nhận kết hôn số 01 ngày 09/02/2018 do Ủy ban nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Ủy ban nhân dân xã C, Thành phố Hồ Chí Minh) cấp cho bà Nguyễn Thị Thanh H và ông Chu V không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: bà Nguyễn Thị Thanh H với ông Chu V xác định không có con chung, không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về chi phí tố tụng: Chi phí dịch thuật, ủy thác tư pháp đi nước ngoài nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh H phải chịu và đã thực hiện xong.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thanh H phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0070961 ngày 20/6/2025 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Thi hành án dân sự Thành phố H).

4. Báo cho nguyên đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp pháp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án được thực hiện theo các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Các Hội thẩm nhân dânThẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

T

Nơi nhận:
- VKSND TP. HCM;
- Thi hành án dân sự TP. HCM;
- UBND xã Cần Giờ;
- Các đương sự;
-Lưu: Hồ sơ, Tòa GĐ&NCTN,13.(26).



TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Đắc Cường